TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/10/2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Hiển

2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2019/TLST – HNGĐ ngày 16/7/2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, năm sinh 1975; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, xã N, huyện G, Thành phố Hà Nội. "Có mặt".

- *Bị đơn:* Anh B, năm sinh 1965; đăng ký hộ khẩu thường trú: B9, tập thể G, tổ 17, phường Đ, quận K, Thành phố Hà Nội; chỗ ở: Xóm 1, xã N, huyện G, Thành phố Hà Nội. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị A và anh B đăng ký kết hôn ngày 17/12/2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, Thành phố Hà Nội, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh B lười lao động lại hay rượi chè, chửi bới vợ. Tháng 10/2018 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, thỉnh thoảng anh B có về quấy phá chị A. Nay chị xác định không còn tình cảm với chồng nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về con chung và tài sản chung không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Anh B không gửi văn bản nêu ý kiến của mình mặc dù được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B; về con chung, tài sản chung: Không phải giải quyết; về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án do chị chị A có đơn yêu cầu ly hôn với anh B có nơi cư trú tại xã N, huyện G, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên Tòa án nhân dân huyện G thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn vắng mặt lần hai căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi khi kết hôn một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tA yêu, tôn trọng nhau, anh B lười lao động. Tháng 10/2018 thì vợ chồng sống ly thân không còn quan hệ gì. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung và tài sản chung không có nên không phải giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung, tài sản chung: Không phải giải quyết.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2010/0004568 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nay chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h. G;
- Chi cục THADS h. G;
- TAND TP. Hà Nội;
-UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hồng Quang